TÒA ÁN NHÂN DÂN **KVA** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 9 – 2025
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KVA – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Til

Bà Võ Thị Kim Son

- *Thư ký Phiên tòa*: Bà Trương Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân KVA – Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KVA – Cần Thơ tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân KVA – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện TL về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TN1, xã TXA, huyện TL, thành phố Cần Thơ. (nay là ấp TN1, xã TX, thành phố Cần Thơ)

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TL, xã XT, huyện TL, thành phố Cần Thơ (nay là ấp TL, xã ĐH, thành phố Cần Thơ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông và bà Trần Thị Hồng N tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 13/01/2020. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Cho đến một thời gian ông phải đi chấp hành hình phạt tù do đánh nhau. Khi ông chấp hành xong hình phạt tù trở về thì vợ ông bỏ đi (vào tháng 5/2024). Từ khi bỏ đi đến nay vợ ông không trở về thăm con. Ông cảm thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân với bà N nên yêu cầu giải quyết cho ông ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn V K, sinh ngày 10/3/2018 và Nguyễn PA, sinh ngày 16/4/2020. Hiện nay cả 02 cháu đều sống cùng ông. Vì vậy ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K và cháu PA. Không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà Trần Thị Hồng N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Cháu Nguyễn V K có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha là ông Nguyễn Văn V.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn V đối với bà Trần Thị Hồng N; Giao các cháu Nguyễn V K, sinh ngày 10/3/2018 và Nguyễn PA, sinh ngày 16/4/2020 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu

cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn V có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Hồng N nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp ly hôn"*. Mặc khác, nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp TL, xã XT, huyện TL, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL (nay là Tòa án nhân dân KVA – Cần Thơ) theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn V có đơn xin vắng mặt, bà Trần Thị Hồng N được triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị Hồng N chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa ông V và N là tự nguyện và hợp pháp. Ông V xác định hiện nay bà N đã bỏ đi, tình cảm giữa ông và bà N không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với nhau. Bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ thông qua người thân bà N nhưng bà N vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Hiện nay bà N bỏ đi và không cung cấp địa chỉ nơi làm việc và nơi ở hiện tại, bà cũng không còn chung sống với ông V. Điều đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V.

[4] Về con chung: Hiện nay, cả 02 cháu Nguyễn V K và Nguyễn PA đều sống cùng ông V, bà N bỏ đi không cho biết địa chỉ hiện nay đang sinh sống. Để ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của cả 02 cháu, Hội đồng xét xử

thấy cần tiếp tục giao cháu K và PA cho ông V nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông V không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn V xác định không có, bà Trần Thị Hồng N cũng không có ý kiến hay yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Trần Thị Hồng N.

1.2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn V K, sinh ngày 10/3/2018 và Nguyễn PA, sinh ngày 16/4/2020 cho ông Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

1.4. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Trần Thị Hồng N, không ai được cản trở bà N thực hiện quyền này.

1.5. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn V đã nộp theo biên lai thu số 0005024 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL (nay là Phòng thi hành án dân sự KVA – Cần Thơ) thành án phí nên ông V không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND KV3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV3 – Cần Thơ;
- UBND xã TX;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Đỗ Ngọc Diễm